CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU NÂNG CAO VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024
(Chưa tính điểm điều tra xã hội học)

(Kèm theo Kế hoạch số: 1228/KH-SNNPTNT ngày 28/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**10,5**	**10,49**	**10,49**	**10,5**	**Phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp**
1.1	***Thực hiện kế hoạch CCHC***	***1,5***	***1,5***	***1,5***	***1,5***	Các phòng, cơ quan, đơn vị
	*Tính điểm theo công thức: **(b/a)*điểm tối đa**.*					
	Trong đó:					
	a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch.					
	b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.					
	Nếu tỷ lệ b/a <0.8 thì điểm đánh giá là 0					
1.2	***Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ***	***2,5***	***2,5***	***2,5***	***2,5***	Các phòng, cơ quan, đơn vị
	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo về CCHC theo quy định: 1		1,0	1,0		
	Báo cáo về kiểm soát TTHC và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 0.5		0,5	0,5		
	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT: 0.5		0,5	0,5		
	Báo cáo năm về công tác theo dõi thi hành pháp luật: 0.5		0,5	0,5		
	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0					
1.3	***Công tác kiểm tra CCHC***	***2,0***	***2,0***	***2,0***	***2,0***	Phòng Tổ chức cán bộ
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc Sở (phòng, ban, Chi cục và tương đương) được kiểm tra trong năm		1,0	1,0		
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1		1,0	1,0		
	Từ 20%-dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0.5					
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	*1,0*	*1,0*	*1,0*	*1,0*	Các đơn vị được kiểm tra báo cáo kết quả khắc phục (nếu có)
	Từ 70%-dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ % số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý) X 1.0/100%]					
	Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0					
1.4	***Công tác tuyên truyền CCHC***	***1,0***	***1,0***	***1,0***	***1,0***	- Văn phòng Sở - Các cơ quan, đơn vị
	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5		0,5	0,5		
	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5		0,5	0,5		
1.5	***Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC***	***2,0***	***2,0***	***2,0***	***2,0***	Các phòng, cơ quan, đơn vị
	Có từ 3 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên: 2		2,0	2,0		
	Có 2 sáng kiến hoặc giải pháp mới: 1.5					
	Có 1 sáng kiến hoặc giải pháp mới: 1.0					
	Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0					
1.6	***Thực hiện các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao trong năm***	***1,5***	***1,49***	***1,49***	***1,5***	Các phòng, cơ quan, đơn vị
	Tính điểm theo công thức: ***(b/a)*1.50 + (c/a)*1.00****.*					
	Trong đó:					
	a là tổng số nhiệm vụ được giao.					
	b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ.					
	c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.					
2	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	**6,5**	**6,5**	**6,5**	**6,5**	**Văn phòng Sở tổng hợp**
2,1	Tham mưu ban hành văn bản QPPL được giao theo Chương trình công tác hàng năm của Sở, UBND tỉnh/văn bản được Luật giao quy định chi tiết thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.	**1,0**	**1,0**	**1,0**	**1,0**	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu và đúng tiến độ được giao: 1.00					
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu nhưng có văn bản hoàn thành muộn so với tiến độ được giao: 0.75					
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% chỉ tiêu: 0.50					
	Hoàn thành dưới 80% chỉ tiêu: 0					
2,2	***Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)***	***2,5***	***2,5***	***2,5***	***2,5***	Các phòng, cơ quan, đơn vị
2.2.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1,5	1,5	1,5	1,5	
	Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật: 0.50					
	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.50					
	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.50					
2.2.2	*Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật*	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1					
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0					
2,3	***Kiểm tra, xử lý VBQPPL***	***1,5***	***1,5***	***1,5***	***1,5***	- Văn phòng Sở - Các phòng, cơ quan, đơn vị có liên quan
2.3.1	Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	*0,5*	*0,5*	*0,5*	*0,5*	
	Có tổ chức kiểm tra văn bản theo thẩm quyền (có danh mục văn bản đã kiểm tra và kết quả kiểm tra): 0.50					
	Không kiểm tra văn bản theo thẩm quyền (trường hợp có kiểm tra nhưng không có danh mục văn bản đã kiểm tra hoặc kết quả kiểm tra thì được xem là chưa thực hiện việc kiểm tra): 0					
2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	***1,0***	***1,0***	***1,0***	***1,0***	- Văn phòng Sở - Các phòng, cơ quan, đơn vị có liên quan
	Tính điểm theo công thức: ***(b/a) *điểm tối đa***.					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	Trong đó:a là tổng số văn bản cần phải xử lý. *b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.* *Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.*					
2,4	**Xử lý VBQPPL sau rà soát, hệ thống hóa**	**1,5**	**1,5**	**1,5**	**1,5**	
	Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý) X 1.50/100%]					
	Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0					
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**13,5**	**13,49**	**13,49**	**13,5**	**Văn phòng Sở tổng hợp**
3.1	**Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)**	**2,0**	**2,0**	**2,0**	**2,0**	
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền: 0.50					
	Có các kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung VBQPPL quy định TTHC trong năm đánh giá: 0.50					
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	0,5	0,5	0,5	0,5	
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.50					
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0					
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0,5	0,5	0,5	0,5	
	Tính điểm theo công thức: ***(b/a)*1.00***.					
	Trong đó:					
	a là tổng số vấn đề phát hiện qua rà soát.					
	b là số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.					
	Trường hợp tỷ lệ b/a < 0.8 thì điểm đánh giá là 0					
	Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.					
3.2	**Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ**	**4,5**	**4,5**	**4,5**	**4,5**	
3.2.1	Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC	0,5	0,5	0,5	0,5	
	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở đã được phê duyệt quy trình nội bộ: 0.50					
	Từ 80% - dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở đã được phê duyệt quy trình nội bộ thì điểm đánh giá: 0.25					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	Dưới 80% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở: 0					
3.2.2	Thống kê, trình công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các sở, ban ngành	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đầy đủ, đúng quy định: 1.00					
	Không đầy đủ, đúng quy định: 0					
3.2.3	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	2,0	2,0	2,0	2,0	
	Cập nhật, công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC quốc gia sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố: 0.50					
	Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh: 0.50					
	Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị: 0.50					
	Công khai đầy đủ, đúng quy định thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị: 0.50					
3.2.4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia: 0.50					
	*Tính điểm theo công thức: **(b/a)*0.50**. Trong đó:*					
	a là Tổng số hồ sơ TTHC phải đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia theo yêu cầu.					
	b là Số hồ sơ TTHC đã đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia.					
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan tiếp nhận, giải quyết được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng Dịch vụ công của Bộ, ngành liên quan: 0.50					
	*Tính điểm theo công thức: **(b/a)*0.50**.*					
	Trong đó:					
	a là Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	b là Số hồ sơ TTHC đã công khai kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng Dịch vụ công của Bộ, ngành liên quan.					
3.3	**Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**	**0,5**	**0,5**	**0,5**	**0,5**	
	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh/Bộ phận Một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành:					
	- 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 0.50					
	- Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 0					
3.4	**Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC**	**5,0**	**4,99**	**4,99**	**5,0**	
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết trước hạn, đúng hạn	4,0	4,0	4,0	4,0	
	** Tiếp nhận từ 1.000 (một nghìn) hồ sơ trở lên thì tính điểm theo công thức:* ***(b/a)* điểm tối đa***.					
	** Tiếp nhận dưới 1.000 hồ sơ:*					
	- Trường hợp tỷ lệ b/a >= 0.97 thì tính điểm theo công thức: ***(b/a)* điểm tối đa****;*					
	- Trường hợp tỷ lệ 0.95 =< b/a < 0.97 thì tính điểm: 3.80					
	Trường hợp tỷ lệ b/a < 0.95 thì điểm đánh giá là 0.					
	Trong đó:					
	a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm.					
	b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết trước hạn, đúng hạn.					
3.4.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,5	0,49	0,49	0,5	
	Đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.50					
	Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0					
3.4.3	Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC	0,5	0,49	0,49	0,5	
	*Từ 95% đạt mức độ rất hài lòng và hài lòng tính theo công thức: Tỷ lệ * 0.50*					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	Dưới 95% đạt mức độ rất hài lòng và hài lòng: 0					
3.5	**Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở**	**1,5**	**1,5**	**1,5**	**1,5**	
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1,0	1,0	1,0		
	Tính điểm theo công thức: ***(b/a) *điểm tối đa****.					
	Trong đó:					
	a là tổng số PAKN phải trả lời.					
	b là số PAKN đã được xử lý, trả lời đúng hạn.					
	Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.					
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	0,5	0,5	0,5		
	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0.50					
	Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0					
	Trường hợp không có PAKN phải xử ý, trả lời thì điểm đánh giá: 0.50.					
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**7,0**	**7,0**	**7,0**	**7,0**	**Phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp**
4.1	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**	**2,0**	**2,0**	**2,0**	**2,0**	
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, ban chuyên môn	1,0	1,0	1,0		
	Kịp thời, đúng quy định:1.00					
	Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0					
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng, ban và tương đương thuộc sở theo các tiêu chí	1,0	1,0	1,0		
	100% phòng thuộc sở và tương đương có cơ cấu số lượng lãnh đạo đáp ứng tiêu chí: 1.00					
	Thực hiện không đúng quy định về cơ cấu số lượng: 0					
4.2	**Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng biên chế**	**2,0**	**2,0**	**2,0**	**2,0**	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1,0	1,0	1,0		
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1.00					
	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao hoặc có hợp đồng lao động: 0					
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập	1,0	1,0	1,0		
	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1.00					
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0					
	(Nếu không có đơn vị sự nghiệp thì tính điểm tối đa)					
4.3	**Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý**	**3,0**	**3,0**	**3,0**	**3,0**	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành và UBND tỉnh ban hành	1,0	1,0	1,0		
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 1					
	Thực hiện không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0					
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền	1,0	1,0	1,0		
	Có thực hiện: 1.00					
	Không thực hiện: 0					
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1,0	1,0	1,0		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.00					
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**10,0**	**10,0**	**9,95**	**10,0**	**Phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp**
5.1	**Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm**	**4,0**	**4,0**	**4,0**	**4,0**	
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	1,0	1,0	1,0		
	Đầy đủ, kịp thời: 1.00					
	Chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của sở bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1,5	1,5	1,5		
	100% số cơ quan: 1.50					
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 1.00					
	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan: 0.50					
	Dưới 60% số cơ quan: 0					
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1,5	1,5	1,5		
	100% số cơ quan: 1.50					
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 1.00					
	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan: 0.50					
	Dưới 60% số cơ quan: 0					
	(Nếu không có đơn vị sự nghiệp thì tính điểm tối đa)					
5.2	**Tuyển dụng công chức, viên chức**	**1,0**	**1,0**	**1,0**	**1,0**	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan, đơn vị thuộc sở	0,5	0,5	0,5		
	Đúng quy định: 0.50					
	Không đúng quy định: 0					
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở	0,5	0,5	0,5		
	Đúng quy định: 0.50					
	Không đúng quy định: 0					
	(Nếu không có đơn vị sự nghiệp thì tính điểm tối đa)					
5.3	**Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý và việc chuyển đổi vị trí công tác**	**2,5**	**2,5**	**2,5**	**2,5**	
5.3.1	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	1,0	1,0	1,0		
	100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở được bổ nhiệm đúng quy định: 0.50					
	100% số lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp thuộc sở được bổ nhiệm đúng quy định: 0.5 (nếu không có đơn vị sự nghiệp thì tính điểm 0.5)					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
5.3.2	Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác	1,5	1,5	1,5		
	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo đúng các quy định: 0.50					
	Thực hiện đạt 100% kế hoạch chuyển đổi: 1.00					
	Thực hiện dưới 100% kế hoạch: 0					
5.4	**Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức**	**1,5**	**1,5**	**1,5**	**1,5**	
	Trong năm KHÔNG CÓ công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1.00					
	Trong năm KHÔNG CÓ viên chức, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.50					
5.5	**Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức**	**1,0**	**1,0**	**0,95**	**1,0**	
	*Tính điểm theo công thức: **(b/a)*điểm tối đa**.*					
	Trong đó:					
	a là tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra theo kế hoạch năm.					
	b là số chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành.					
	Trường hợp tỷ lệ b/a<0.80 thì điểm đánh giá là 0					
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**8,5**	**8,07**	**7,07**	**8,5**	**Phòng Kế hoạch - Tài chính tổng hợp**
6.1	**Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách**	**4,0**	**3,57**	**2,57**	**4,0**	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1,5	1,07	1,07		
	*Tính điểm theo công thức: **(b/a)*điểm tối đa**.*					
	Trong đó:					
	a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch.					
	b là số tiền đã giải ngân.					
	Trường hợp tỷ lệ b/a<0.70 thì điểm đánh giá là 0					
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1,0	1,0	0,0		
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1.00					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0					
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1,5	1,5	1,5		
	Tính điểm theo công thức: ***(b/a)*điểm tối đa****.*					
	Trong đó:					
	a là tổng số tiền phải nộp NSNN.					
	b là số tiền đã nộp NSNN.					
6.2	**Công tác quản lý, sử dụng tài sản công**	**2,5**	**2,5**	**2,5**	**2,5**	
6.2.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	0,5		
	Đã ban hành đầy đủ theo quy định: 0.50					
	Chưa ban hành: 0					
6.2.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1,0	1,0	1,0		
	Có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: 0.50					
	100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: 0.50					
6.2.3	Xử lý các sai phạm về quản lý, sử dụng tài sản công sau thanh tra, kiểm tra	1,0	1,0	1,0		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.00					
	*Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % xử lý * 1.00/100%)*					
6.3	**Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)**	**2,0**	**2,0**	**2,0**	**2,0**	
6.3.1	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	1,0	1,0	1,0		
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1.00					
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0					
6.3.2	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm trước liền kề	1,0	1,0	1,0		
	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1.00					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % giảm chi ngân sách X 1.00/10%)					
7	**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**	**14,0**	**14,0**	**13,31**	**14,00**	**Văn phòng Sở tổng hợp**
7,1	**Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu**	**3,5**	**3,5**	**3,00**	**3,5**	
7.1.1	Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định	0,5	0,5	0,5		
	Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định: 0.50					
	Không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định: 0					
7.1.2	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	1,0	1,0	0,5		- Văn phòng Sở - Các phòng, cơ quan, đơn vị
	Đã triển khai và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định: 0.50					
	*(Nếu đã triển khai nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật thì đạt 50% *điểm tối đa).*					
	Kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo quy định: 0.50					
7.1.3	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	1,0	1,0	1,0		- Văn phòng Sở - Các phòng, cơ quan, đơn vị
	*Tính điểm theo công thức: **(b/a) *điểm tối đa**.*					
	Trong đó:					
	a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung.					
	b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua LGSP					
7.1.4	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	1,0	1,0	1,0		Văn phòng Sở
	*Tính điểm theo công thức: **(b/a) *điểm tối đa**.*					
	Trong đó:					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	a là tổng số dịch vụ dữ liệu có trên NDXP					
	b là số dịch vụ dữ liệu có trên NDXP được đưa vào sử dụng chính thức.					
7,2	**Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước**	**3,0**	**3,0**	**3,0**	**3,0**	- Văn phòng Sở - Các phòng, Cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC
7.2.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại các phòng, ban thuộc sở; *trừ văn bản, hồ sơ mật*	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Tất cả các phòng, ban và tương đươcng thuộc sở có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 100% trở lên: 1.00					
	Từ 80% - 100% phòng, ban: 0.75					
	Từ 50% - 80% phòng, ban: 0.5					
	Dưới 50% phòng, ban: 0					
7.2.2	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	1,0	1,0	1,0	1,0	
	100% phòng, ban và tương đương thuộc sở đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: 1.00					
	Từ 80% - 100% phòng, ban và tương đương thuộc sở đã kết nối: 0.50					
	Dưới 80% phòng, ban và tương đương thuộc sở đã kết nối: 0					
7.2.3	Thực hiện báo cáo qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Cơ quan và đơn vị trực thuộc đã thực hiện cập nhật, báo cáo thông qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh: 1.00					
	Tính theo công thức: ***(b/a)*1.00***.					
	Trong đó:	1,0	1,0	1,0	1,0	
	a là tổng số chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu báo cáo.					
	b là số lượng chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu đã thực hiện cập nhật, báo cáo đầy đủ, kịp thời.					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
7,3	**Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức**	**7,5**	**7,5**	**7,31**	**7,5**	- Văn phòng Sở - Các phòng, Cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC
7.3.1	Trang/Cổng thông tin điện tử	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định: 0.25					
	Đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6: 0.25					
	Cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định: 0.50					
7.3.2	Cập nhật thông tin, dữ liệu hồ sơ TTHC vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và bộ, ngành liên quan	1,0	1,0	1,0	1,0	
	100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận, xử lý thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và bộ, ngành liên quan: 0.75					
	Đầy đủ, đúng quy định: 0.75					
	Không đầy đủ, đúng quy định: 0					
	100% hồ sơ nộp trực tuyến được thông báo tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn tám giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận: 0.25					
	Đầy đủ, đúng quy định: 0.25					
	Không đầy đủ, đúng quy định: 0					
7.3.3	Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đạt tối thiểu theo yêu cầu của Chính phủ: 1.00					
	đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết không đạt tối thiểu theo yêu cầu					
7.3.4	Tỷ lệ hồ sơ có phát sinh dịch vụ công trực tuyến một phần	0,5	0,5	0,31	0,5	
	Tính điểm theo công thức: ***(b/a)*0.50***.					
	Trong đó:					
	a là tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm của dịch vụ công trực tuyến một phần (gồm cả tiếp nhận trực tuyến và tiếp nhận không trực tuyến).					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến một phần.					
7.3.5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	1,0	1,0	1,0	1,0	
	** Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình: 0.50*					
	Tính điểm theo công thức: ***b/a*0.50***.					
	Trong đó:					
	a là tổng số dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình.					
	b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.					
	Nếu b/a < 0.90 thì điểm đánh giá là 0.					
	** Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 0.50*					
	Tính điểm theo công thức: ***b/a*0.50***.					
	Trong đó:					
	a là tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình.					
	b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến.					
7.3.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1,5	1,5	1,5	1,5	
	Tính điểm theo công thức: ***(b/a)*1.50***.					
	Trong đó:					
	a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến).					
	b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy).					
7.3.7	Thực hiện thanh toán trực tuyến	1,5	1,5	1,5	1,5	
	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0.25					
	Tính điểm theo công thức: ***(b/a)*0.25***.					
	Trong đó:					
	a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính.					
	tuyến.					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Chấm điểm năm 2023			Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Phòng, cơ quan, đơn vị tham mưu, triển khai thực hiện trong năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	UBND tỉnh đánh giá		
	Trường hợp a=0 thì điểm đánh giá là 0.25					
TỔNG ĐIỂM		**70,0**	**69,6**	**67,81**	**70,0**	